

Số: 21 /2013/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 11 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập; Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của chính phủ Quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;

Căn cứ Thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn lập và phê duyệt Phương án bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1706/TTr-SNN ngày 30/9/2013 về việc ban hành Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2013 và thay thế Quyết định số 37/2006/QĐ-UBND ngày 26/7/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 37/2006/QĐ-UBND ngày 26/7/2006 của UBND tỉnh.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc các Sở có liên quan; Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Giám đốc Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang, Trưởng Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- VP Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ TP
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Viện KSND tỉnh; Toà án nhân dân tỉnh;
- Các Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 4: Thực hiện;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo, VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên: GT, TL, XD, TH, TNMT, NC;
- Lưu: VT (A.)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Báo
cáo

Châu Văn Lâm

QUY ĐỊNH

**Tổ chức hoạt động quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2013/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tổ chức hoạt động quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, bao gồm công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước và công trình đê, kè (sau đây viết tắt là công trình thủy lợi).

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước và công trình đê, kè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, bao gồm:

- a) Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã;
- b) Các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước và công trình đê, kè.
- c) Tổ chức, hộ gia đình hoặc cá nhân sử dụng nước từ công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

Điều 2. Trong quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau

1. “Công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước” là công trình nhằm khai thác mặt lợi của nước để phục vụ sản xuất, bao gồm: Hồ chứa nước, đập, cống, trạm bơm, đường ống dẫn nước, kênh, công trình trên kênh.

2. “Công trình đê, kè” là công trình phòng, chống tác hại do nước gây ra, bao gồm: Đê, cống qua đê, kè bảo vệ đê (sau đây gọi tắt là công trình đê); kè bảo vệ chống sạt lở bờ sông, bờ suối (sau đây gọi tắt là công trình kè).

Điều 3. Nguyên tắc, nội dung yêu cầu và năng lực của tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi

- 1. Đối với công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước

a) Nguyên tắc, nội dung công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12/10/2009 của Bộ nông nghiệp và PTNT hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

b) Năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cần đáp ứng yêu cầu về năng lực theo quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

2. Đối với công trình đê, kè: Các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng đều phải tổ chức quản lý và bảo vệ. Tổ chức, lực lượng được giao quản lý, bảo vệ công trình có nhiệm vụ quản lý và bảo vệ công trình an toàn, phòng chống lũ, lụt hiệu quả; chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý và bảo vệ công trình được giao. Tổ chức, lực lượng được giao quản lý, bảo vệ công trình phải có năng lực phù hợp với quy mô, tính chất, yêu cầu kỹ thuật của công trình.

Chương II

QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI PHỤC VỤ TƯỚI, TIÊU, CẤP NƯỚC

Mục 1

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, PHÂN CẤP QUẢN LÝ, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG, NGUỒN KINH PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CÔNG ĐẦU KÊNH

Điều 4. Tổ chức quản lý công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước

Tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước trên địa bàn tỉnh bao gồm các loại hình sau:

1. Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang;
2. Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã;
3. Ban quản lý công trình thủy lợi xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thành lập và phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước

1. Thẩm quyền thành lập và phân cấp quản lý

Các công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc nguồn vốn khác nằm trong quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tùy theo quy mô diện tích tưới, tính chất phức tạp của công trình, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và phân cấp quản lý công trình, cụ thể:

a) Đối với công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước liên huyện: Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm chủ trì tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân

dân tỉnh quyết định kiện toàn Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang và quy định cụ thể vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động. Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước liên huyện do UBND tỉnh giao và có nhiệm vụ hướng dẫn các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã NLN tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình theo đúng quy định hiện hành; tiếp nhận và quản lý nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí trên phạm vi toàn tỉnh.

Trong quá trình hoạt động Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang được sử dụng con dấu riêng và được mở tài khoản để giao dịch theo quy định của pháp luật.

b) Đối với công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước liên xã: Phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế có trách nhiệm chủ trì tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, kiện toàn Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã và quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy đảm bảo đủ năng lực theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã trực tiếp tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ đối với các công trình thủy lợi phục tưới, tiêu, cấp nước liên xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

Trong quá trình hoạt động Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã được sử dụng con dấu riêng và được mở tài khoản để giao dịch theo quy định của pháp luật.

c) Đối với công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước trong một xã, phường, thị trấn: Công chức được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý về lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, kiện toàn Ban quản lý công trình thủy lợi xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp và quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy đảm bảo đủ năng lực theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ đối với các công trình thủy lợi phục tưới, tiêu, cấp nước trong một xã, phường, thị trấn.

Tùy theo điều kiện thực tế của từng địa phương và số lượng công trình thủy lợi trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể thành lập, kiện toàn Ban quản lý công trình thủy lợi xã gắn với tổ chức bộ máy của Hợp tác xã Nông lâm nghiệp hiện có. Trường hợp chưa củng cố được Hợp tác xã nông lâm nghiệp hoặc cán bộ của Hợp tác xã phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ để tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình, thì có thể thành lập Ban quản lý công trình thủy lợi chuyên trách đảm bảo đủ năng lực để tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình theo quy định. Ban quản lý công trình thủy lợi xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp trực tiếp tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ đối với các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

Trong quá trình hoạt động, đối với Ban quản lý công trình thủy lợi được kiện toàn gắn với tổ chức bộ máy của Hợp tác xã Nông lâm nghiệp (Ban quản lý công trình thủy lợi Hợp tác xã NLN) được sử dụng con dấu của Hợp tác xã Nông

lâm nghiệp để giao dịch và được mở tài khoản theo quy định của pháp luật; đối với Ban quản lý công trình thủy lợi được thành lập theo mô hình chuyên trách (Ban quản lý công trình thủy lợi xã) được sử dụng con dấu riêng để giao dịch và được mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý một số trường hợp cụ thể

a) Đối với các công trình thủy lợi phục tưới, tiêu, cấp nước hiện nay Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đang quản lý, cho thuê mặt nước đầu thầu nuôi cá thì Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo thu hồi và giao cho các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã nông lâm nghiệp tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ theo Quy định này. Việc thu hồi, bàn giao phải được kiểm kê, đánh giá tài sản (nếu có) và bàn giao theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

b) Đối với công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước liên huyện nhưng chưa thành lập Ban quản lý công trình thủy lợi liên huyện mà có diện tích phục vụ tưới dưới 200ha/vụ thì giao cho Ủy ban nhân dân huyện có Ban quản lý công trình thủy lợi, hiện đang tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình tưới, tiêu cấp nước liên huyện thực hiện kiện toàn lại Ban quản lý công trình thủy lợi; trước khi thực hiện phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện có diện tích tưới của công trình cử các thành viên tham gia Ban quản lý;

c) Đối với công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước liên xã nhưng chưa thành lập Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, mà có diện tích phục vụ tưới dưới 100 ha/vụ thì giao cho Ủy ban nhân dân xã quyết định kiện toàn lại Ban quản lý công trình thủy lợi đã có, hiện đang tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình tưới, tiêu cấp nước liên xã; trước khi kiện toàn lại phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân xã có diện tích tưới của công trình cử các thành viên tham gia Ban quản lý.

3. Trên cơ sở quy định tại Khoản 1, Khoản 2 điều này, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện rà soát các Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý để thực hiện củng cố kiện toàn lại bảo đảm đủ năng lực để hoạt động.

Điều 6. Phương thức hoạt động của các tổ chức quản lý

Các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi, bao gồm: Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang, Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã nông lâm nghiệp hoạt động theo phương thức là đơn vị sự nghiệp có thu; sử dụng nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí và các nguồn thu hợp pháp khác để hoạt động; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật.

Điều 7. Nguồn kinh phí hoạt động của các tổ chức quản lý

Nguồn kinh phí hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước bao gồm:

1. Kinh phí do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp do chính sách miễn thu thủy lợi phí, để quản lý, vận hành và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi;

2. Thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải thu từ các đối tượng phải thu theo quy định của pháp luật;

3. Ngân sách Nhà nước cấp cho sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, khôi phục công trình thủy lợi bị thiên tai phá hoại theo dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ tiền điện, xăng, dầu cho bơm nước chống hạn, chống úng vượt định mức;

4. Thủy lợi phí nội đồng do người dùng nước đóng góp để điều tiết nước và duy tu, bảo dưỡng hệ thống kênh mương từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng;

5. Các khoản thu từ khai thác tổng hợp công trình thủy lợi và thu khác.

Điều 8. Xác định vị trí cống đầu kênh

1. Vị trí cống chia nước đầu kênh là điểm cố định cấp nước, tưới nước cho hệ thống kênh nội đồng.

2. Hệ thống kênh nội đồng được xác định như sau:

a) Đối với công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước liên xã, liên huyện hệ thống kênh nội đồng được xác định từ sau vị trí chia nước tưới cho từng Hợp tác xã nông lâm nghiệp đồng thời phải đảm bảo điều kiện tính từ vị trí chia nước diện tích phục vụ tưới của kênh nội đồng ≤ 50 ha;

b) Đối với công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước trong một xã hệ thống kênh nội đồng được xác định từ cửa chia nước trên kênh chính ra kênh nhánh hoặc khu tưới.

Mục 2

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI PHỤC VỤ TƯỚI, TIÊU, CẤP NƯỚC

Điều 9. Nhiệm vụ của tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình

1. Điều hoà phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý, tiết kiệm trong hệ thống công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, đời sống dân sinh và các ngành kinh tế khác;

2. Thực hiện hợp đồng với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước, làm dịch vụ từ công trình; bồi thường thiệt hại cho tổ chức, cá nhân sử dụng nước do thực hiện không đúng hợp đồng gây ra;

3. Theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố trong hệ thống công trình thủy lợi, đồng thời thực hiện tốt việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp công trình, máy móc, thiết bị; kiểm tra, sửa chữa công trình trước và sau mùa mưa lũ;

4. Tổ chức quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí của Nhà nước, các nguồn thu hợp pháp và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật; quản lý tài sản và mọi nguồn lực được giao nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

5. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung diện tích miễn thu thủy lợi phí; xây dựng kế hoạch tu sửa, nâng cấp công trình; kế hoạch phòng chống lũ lụt, hạn hán theo quy định;

6. Được phép làm chủ đầu tư trong việc duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi; duy trì, phát triển năng lực công trình, bảo đảm công trình an toàn và sử dụng lâu dài;

7. Xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn lập và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi; quy trình vận hành điều tiết tưới, tiêu; tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng nguồn nước theo đúng quy trình;

8. Lập thủ tục xin cấp giấy phép khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp đối với những công trình có lưu lượng lớn hơn $0,1\text{m}^{3/\text{s}}$ (tương đương công trình tưới từ 50 ha trở lên) theo quy định.

9. Quan trắc, theo dõi thu thập các số liệu theo quy định; nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; lưu trữ hồ sơ khai thác công trình thủy lợi;

10. Tổ chức quản lý đập theo quy định tại Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 7/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập; thực hiện nhiệm vụ của chủ đập theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;

11. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình lợi với cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo. Tuân thủ sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

12. Bảo vệ chất lượng nước; phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; phòng, chống lũ, lụt và các tác hại khác do nước gây ra;

13. Tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia xây dựng kế hoạch khai thác và phương án bảo vệ công trình;

14. Đăng ký các hoạt động dịch vụ khác (nếu có), chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả hoạt động dịch vụ do đơn vị thực hiện;

15. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động; thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, quốc phòng và an ninh quốc gia;

16. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, về kế toán, hoạch toán, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực và hợp pháp của các hoạt động tài chính của đơn vị;

17. Thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật;

18. Công khai báo cáo tài chính hàng năm; đối với các hoạt động kinh doanh phải hoạch toán riêng theo quy định của pháp luật;

19. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền hạn của tổ chức quản lý, khai thác công trình

1. Được Nhà nước cấp kinh phí do thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí và các nguồn kinh phí hỗ trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;
2. Nhận giao kế hoạch hoặc đặt hàng với cơ quan nhà nước để hợp đồng cung cấp dịch vụ tưới, tiêu với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước từ công trình; thu thủy lợi phí, tiền nước từ các đối tượng phải thu theo quy định của pháp luật;
3. Kiến nghị cấp chính quyền địa phương nơi có công trình thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn công trình trong trường hợp công trình bị xâm hại hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;
4. Kiến nghị với các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp tranh chấp về hợp đồng sử dụng nước, sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ công trình và các hành vi phá hoại, trộm cắp tài sản của hệ thống công trình;
5. Khai thác tổng hợp công trình theo dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;
6. Tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ được giao; đổi mới công nghệ, trang thiết bị do hoạt động kinh doanh mang lại;
7. Áp dụng các định mức lao động, vật tư, đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm trong khuôn khổ các định mức, đơn giá của nhà nước;
8. Được tuyển chọn, thuê mướn lao động thời vụ, bố trí sử dụng đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả tiền lương, tiền công, tiền thưởng và quyết định mức lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động theo đơn giá nhà nước quy định hiện hành và được tính trên đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ và hiệu quả hoạt động của đơn vị;
9. Trong trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép thì được sử dụng các nguồn lực được giao để tổ chức hoạt động kinh doanh bổ sung theo quy định của pháp luật, nhưng không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chính được giao;
10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng nước từ công trình.

1. Quyền lợi:

- a) Được tham gia xây dựng kế hoạch khai thác và phương án bảo vệ công trình; ký kết hợp đồng sử dụng nước với các tổ chức quản lý, khai thác công trình; được các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình đảm bảo cấp nước tưới tiêu theo đúng diện tích đã ký kết trong hợp đồng;
- b) Được khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm quyền quản lý, khai thác, sử dụng công trình;
- c) Được bồi thường thiệt hại do tổ chức quản lý, khai thác công trình thực hiện không đúng hợp đồng gây ra.

2. Nghĩa vụ:

- a) Phải sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm và bảo vệ môi trường nước;
- b) Nộp thủy lợi phí, tiền nước đầy đủ và kịp thời theo hợp đồng (Đối với các đối tượng không được miễn); nộp thủy lợi phí nội đồng để quản lý, bảo dưỡng kênh mương nội đồng theo quy định;
- c) Không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng công trình thủy lợi hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác;
- d) Bảo vệ công trình thủy lợi trong phạm vi sử dụng; phát hiện và báo cáo với đơn vị quản lý hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xâm hại đến công trình, sử dụng nước không đúng mục đích; xả chất thải ô nhiễm vào môi trường nước và các sự cố khác để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời;
- đ) Chấp hành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Mục 3

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI PHỤC VỤ TƯỚI, TIÊU, CẤP NƯỚC

Điều 12. Quy định phạm vi bảo vệ công trình

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận. Trong phạm vi vùng phụ cận, việc sử dụng đất phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình, phải có đường đi lại để quan trắc, theo dõi, quản lý và có mặt bằng để tu bổ và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

2. Phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình được quy định như sau:

a) Đối với đập của các hồ chứa nước và khu vực lòng hồ: Phạm vi bảo vệ theo quy định tại Điểm a, d Khoản 3 Điều 25 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001.

b) Đối với đập dâng nước tại các sông, suối:

- Đập dâng có chiều cao đập ($H > 5m$): Phạm vi bảo vệ không được xâm phạm tính từ phần xây đúc cuối cùng ra các phía tối thiểu là 20m;

- Đập dâng có chiều cao đập ($H \leq 5m$): Phạm vi bảo vệ không được xâm phạm tính từ phần xây đúc cuối cùng ra các phía tối thiểu 10m;

Trường hợp khoan, đào, khai thác cát sỏi trên lòng sông, suối: Phạm vi bảo vệ không được xâm phạm cách phần xây đúc cuối cùng tối thiểu là 50m.

c) Đối với kênh nổi:

- Kênh nổi đã kiên cố:

+ Kênh dẫn có mặt cắt ngang (bxh) $> (100 \times 100)$ cm thì phạm vi bảo vệ không được xâm phạm từ chân taluy đắp của kênh trở ra tối thiểu là 2,0m;

+ Kênh dẫn có mặt cắt ngang (bxh) từ (40×40) cm đến (100×100) cm thì phạm vi bảo vệ không được xâm phạm từ chân taluy đắp của kênh trở ra tối thiểu là 1,0m;

+ Kênh dẫn có mặt cắt ngang (bxh) $< (40 \times 40)$ cm thì phạm vi bảo vệ không được xâm phạm từ chân taluy đắp của kênh trở ra tối thiểu là 0,5m.

- Kênh nổi chưa kiên cố: Phạm vi bảo vệ không được xâm phạm tính từ chân taluy đắp của kênh trở ra tối thiểu là 1,0m.

d) Đối với kênh chìm:

- Kênh chìm đã kiên cố:

+ Kênh dẫn có mặt cắt ngang (bxx) $> (100 \times 100)$ cm thì phạm vi bảo vệ không được xâm phạm từ mép taluy đào của kênh trở ra tối thiểu là 3,0m;

+ Kênh dẫn có mặt cắt ngang (bxx) từ (40×40) cm đến (100×100) cm thì phạm vi bảo vệ không được xâm phạm từ mép taluy đào của kênh trở ra tối thiểu là 2,0m;

+ Kênh dẫn có mặt cắt ngang (bxx) $< (40 \times 40)$ cm thì phạm vi bảo vệ không được xâm phạm từ mép taluy đào của kênh trở ra tối thiểu là 1,0m.

- Kênh chìm chưa kiên cố: Phạm vi bảo vệ không được xâm phạm tính từ mép taluy đào của kênh trở ra tối thiểu là 2,0m;

đ) Đối với kênh dẫn nước bằng ống kín: Phạm vi bảo vệ không được xâm phạm tính từ tim đường ống ra mỗi bên tối thiểu là 1,0m.

e) Đối với cầu máng, xi phông dẫn nước: Phạm vi bảo vệ không được xâm phạm tính từ mép ngoài chân trụ, mố đỡ trở ra mỗi bên tối thiểu là 1,0m;

f) Đối với trạm bơm: Phải có hàng rào bảo vệ, phạm vi không được xâm phạm cách mép ngoài của nhà trạm, bể hút, bể xả trở ra mỗi phía tối thiểu là 5,0m; cách tim tuyến đường ống hút, ống đẩy trở ra mỗi phía tối thiểu là 2,0m. Riêng đối với các trạm bơm trên sông, phạm vi bảo vệ tính từ mép ngoài của cửa lấy nước theo chiều dòng chảy về phía thượng, hạ lưu tối thiểu là 50,0m.

g) Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình có trách nhiệm tổ chức cấm mốc và quản lý hành lang bảo vệ công trình theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Quy định này.

Điều 13. Các hoạt động sau đây trong phạm vi bảo vệ công trình chỉ được tiến hành khi có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức quản lý, khai thác công trình và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật:

1. Xây dựng công trình mới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

2. Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng;

3. Xả nước thải vào hệ thống công trình;

4. Khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ;

5. Trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m;

6. Các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trừ các trường hợp sau:

a) Các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật;

b) Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

c) Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có tải trọng, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi;

7. Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư phương tiện;

8. Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản;

9. Nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây hại khác;

10. Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước.

11. Chôn phế thải, chất thải;

Về trình tự, thủ tục xin cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 14. Xử lý nhà ở và công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình

1. Nguyên tắc xử lý nhà ở và công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình

a) Nhà và công trình đã xây dựng nằm trong phạm vi bảo vệ không được xâm phạm và những công trình xâm phạm trực tiếp đến công trình thì phải tháo dỡ, di chuyển đi nơi khác và phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, bảo đảm an toàn cho công trình;

b) Nhà và công trình xây dựng nằm trong phạm vi bảo vệ đối với đập của các hồ chứa và khu vực lòng hồ thì tùy theo mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình mà phải tháo dỡ, di chuyển đi nơi khác hoặc xem xét cho tiếp tục sử dụng nhưng không được gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình. Trường hợp việc sử dụng đất, nhà ở, công trình gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình thì phải tháo dỡ, di chuyển theo quy định.

2. Tổ chức thực hiện xử lý nhà ở và công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình:

a) Công tác rà soát công trình, nhà ở nằm trong phạm vi bảo vệ công trình:

- Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang có trách nhiệm rà soát số lượng công trình, nhà ở nằm trong phạm vi bảo vệ công trình do mình trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ; tổng hợp báo cáo UBND cấp huyện về số công trình, nhà ở đề nghị di dời; số công trình, nhà ở có thể được tiếp tục sử dụng.

- Các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã có trách nhiệm rà soát số lượng công trình, nhà ở nằm trong phạm vi bảo vệ công trình do mình quản lý; tổng hợp báo cáo UBND cấp huyện về số công trình, nhà ở đề nghị di dời; số công trình, nhà ở có thể được tiếp tục sử dụng.

- Các Ban quản lý công trình thủy lợi xã, Hợp tác xã nông lâm nghiệp có trách nhiệm rà soát số lượng công trình, nhà ở nằm trong phạm vi bảo vệ công trình do mình quản lý; tổng hợp báo cáo UBND cấp xã để tổng hợp báo cáo UBND cấp

huyện về số công trình, nhà ở đề nghị di dời; số công trình, nhà ở có thể được tiếp tục sử dụng.

b) Xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức di dời công trình, nhà ở nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, rà soát, xem xét những công trình, nhà ở phải tháo dỡ, di chuyển hoặc cho phép tiếp tục sử dụng đối với nhà, công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc địa bàn quản lý; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch và phương án di dời đối với những công trình, nhà ở nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải tháo dỡ, di chuyển, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết.

- Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm hướng dẫn việc rà soát, xây dựng kế hoạch, phương án di dời công trình, nhà ở nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; kiểm tra phương án của UBND cấp huyện để tham mưu cho UBND tỉnh phương án giải quyết; tham mưu cho UBND tỉnh về kế hoạch tổ chức thực hiện.

3. Chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với công trình, nhà ở trong phạm vi bảo vệ công trình thuộc diện phải di dời được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐÊ, KÈ

Mục 1

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐÊ, KÈ

Điều 15. Phân cấp quản lý, bảo vệ công trình

1. Đối với đê, cống dưới đê, kè bảo vệ đê: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập lực lượng quản lý và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy phù hợp với từng cấp đê sau khi được phân cấp;

2. Đối với kè bảo vệ bờ sông, bờ suối giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lực lượng quản lý, bảo vệ các công trình kè đã hoàn thành đưa vào sử dụng trên địa bàn.

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý, bảo vệ công trình

1. Cơ cấu tổ chức của lực lượng quản lý đê cống dưới đê, kè bảo vệ đê do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khi thành lập.

2. Cơ cấu tổ chức của lực lượng quản lý kè bảo vệ bờ sông, bờ suối được tổ chức quản lý theo địa bàn từng xã, phường, thị trấn không thuộc biên chế nhà nước, hoạt động dưới sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã. Tùy theo quy mô, số lượng hệ thống kè bảo vệ bờ sông, bờ suối trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí lực lượng quản lý cho phù hợp (nên gắn với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và đảm bảo điều kiện mỗi xã được bố trí 01

người quản lý không quá 02 km). Lực lượng được giao trực tiếp quản lý, bảo vệ công trình được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định này.

Điều 17. Nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình

1. Nhiệm vụ cụ thể của lực lượng quản lý, bảo vệ đê, cống dưới đê, kè bảo vệ đê do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khi thành lập.

2. Nhiệm vụ của người được giao quản lý, bảo vệ công trình kè bờ sông, bờ suối:

- Chấp hành sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn về mặt chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan chuyên môn cấp huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thực hiện bảo dưỡng thường xuyên hệ thống kè bảo vệ như: Phát dọn cỏ rác trên công trình, trong hành lang bảo vệ công trình và các công việc khác đảm bảo công trình thông thoáng, sạch sẽ;

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi diễn biến tình trạng của hệ thống kè, phát hiện kịp thời các hư hỏng, sự cố trong hệ thống kè, kịp thời đề xuất với cấp thẩm quyền để có biện pháp xử lý nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống kè bảo vệ chống sạt lở;

- Khi phát hiện có hành vi xâm hại đến công trình cần báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã để kịp thời xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ thống kè;

- Tuân thủ sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Hằng năm trước mùa mưa lũ (trong tháng 4) và sau mùa mưa lũ (trong tháng 11) phải tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao và hiện trạng của hệ thống kè theo quy định.

Điều 18. Chế độ, chính sách đối với công tác quản lý công trình

1. Nguồn kinh phí và chế độ hỗ trợ đối với công tác quản lý đê, cống dưới đê, kè bảo vệ đê: Do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phù hợp với từng tuyến đê;

2. Nguồn kinh phí và chế độ hỗ trợ đối với việc quản lý công trình kè bảo vệ bờ sông, bờ suối;

- Chế độ hỗ trợ: Hỗ trợ 3 triệu đồng/người/năm;

- Nguồn kinh phí: Được tính trong dự toán ngân sách cấp xã hàng năm và thực hiện theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

Điều 19. Kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp công trình.

1. Đối với đê, cống dưới đê, kè bảo vệ đê: Do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phù hợp với từng tuyến đê theo phân cấp đê.

2. Đối với kè bảo vệ bờ sông, bờ suối:

Hằng năm trước và sau mùa mưa lũ Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra các công trình trên địa bàn nếu công trình bị hư hỏng, xuống cấp cần tu sửa, nâng cấp để bảo đảm an toàn thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động bố trí kinh phí để thực hiện. Trường hợp vượt quá cân đối ngân sách của cấp huyện thì lập Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương đầu tư để triển khai thực hiện theo quy định.

Mục 2

PHẠM VI BẢO VỆ, CẤP PHÉP VÀ XỬ LÝ CÔNG TRÌNH, NHÀ Ở TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH

Điều 20. Phạm vi bảo vệ công trình

Phạm vi hành lang bảo vệ công trình đê, kè được quy định như sau:

1. Đối với đê từ cấp III trở lên: Phạm vi bảo vệ thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 23 Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

2. Đối với đê cấp IV, cấp V: Phạm vi hành lang bảo vệ được tính từ chân đê trở ra 5 mét về phía sông và phía đồng;

3. Đối với kè bảo vệ đê, cống qua đê: Phạm vi bảo vệ thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 23 Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

4. Đối với kè bảo vệ bờ sông: Phạm vi bảo vệ tính từ đầu kè và từ cuối kè trở về 2 phía thượng và hạ lưu mỗi phía 50,0m; từ đỉnh kè trở vào phía bờ là 10,0m; từ phần xây đúc cuối cùng của chân kè trở ra phía sông theo hồ sơ thiết kế được duyệt nhưng không được nhỏ hơn 50,0m

5. Đối với kè bảo vệ bờ suối: Phạm vi bảo vệ tính từ đầu kè và từ cuối kè trở về 2 phía thượng và hạ lưu mỗi phía 30,0m; từ đỉnh kè trở vào phía bờ là 5,0m; từ phần xây đúc cuối cùng của chân kè trở ra phía lòng suối theo hồ sơ thiết kế được duyệt nhưng không được nhỏ hơn 10,0m.

Điều 21. Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến công trình

1. Trong phạm vi bảo vệ công trình các hoạt động chỉ được tiến hành khi có giấy phép được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006.

2. Trình tự, thủ tục xin giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình đê, kè thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Các đơn vị được giao phân cấp quản lý cần rà soát, kiểm tra các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình nếu chưa có giấy phép phải yêu cầu xin cấp phép theo quy định.

Điều 22. Xử lý nhà ở và công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình

1. Nguyên tắc xử lý nhà ở và công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thực hiện theo quy định của Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006, Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều.

2. Tổ chức thực hiện xử lý nhà ở và công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình: Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát số lượng công trình, nhà ở phải di dời trong phạm vi bảo vệ công trình đê, kè

thuộc địa bàn quản lý; trên cơ sở kết quả rà soát của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét việc phải tháo dỡ, di chuyển hoặc cho phép tiếp tục sử dụng đối với nhà, công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình; tổng hợp, xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện di dời đối với những công trình, nhà ở nằm trong phạm vi bảo vệ công trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

3. Chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với công trình, nhà ở trong phạm vi bảo vệ công trình thuộc diện phải di dời được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 23. Trách nhiệm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh; lập, thực hiện các dự án đầu tư bổ sung, hoàn thiện, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi trong phạm vi của tỉnh;

2. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, định mức về quản lý khai thác công trình thủy lợi;

3. Hướng dẫn củng cố, kiện toàn các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh, để tổ chức quản lý công trình thủy lợi đạt hiệu quả;

4. Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp xử lý trong trường hợp công trình thủy lợi có nguy cơ xảy ra sự cố; chỉ đạo điều hòa, phân phối nước trong trường hợp xảy ra hạn hán;

5. Tổ chức xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch xây mới, tu bổ, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn tổ chức việc cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình theo quy định;

6. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các chủ đầu tư trong việc đầu tư nâng cấp công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

7. Tổ chức kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, phối hợp với địa phương có liên quan giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

8. Nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

9. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền.

Điều 24. Trách nhiệm các Sở liên quan

1. Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, tổ chức thực hiện quy định quản lý hệ thống giao thông kết hợp với công trình thủy lợi hoặc liên quan đến công trình thủy lợi;

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống cấp thoát nước đô thị, khu dân cư nằm trong hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi và không gây ô nhiễm môi trường nước;

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ;

a) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, công trình cấp nước tự chảy, hồ chứa... với mục đích khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước;

c) Thanh tra, kiểm tra về tài nguyên nước; giải quyết hoặc tham gia giải quyết các tranh chấp về tài nguyên nước và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo quy định;

4. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi về công tác quản lý thu, chi và thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí thủy lợi phí, tiền nước theo đúng quy định; xem xét báo cáo UBND tỉnh bố trí kinh phí phòng chống úng, hạn trên cơ sở tổng hợp kế hoạch từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thành phố;

b) Tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ đối với lực lượng quản lý đê, kè trong dự toán ngân sách hàng năm của cấp huyện, cấp xã, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách;

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư các dự án thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh; phối hợp với các ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư và phát triển hệ thống công trình thủy lợi;

6. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc thành lập và kiện toàn các tổ chức quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

7. Các Sở có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xem xét, xử lý việc tháo dỡ, di chuyển hoặc cho phép tiếp tục sử dụng đối với nhà, công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với các công trình thuộc thẩm quyền cấp phép xây dựng của ngành quản lý.

Điều 25. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển thủy lợi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lập phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc phòng, chống lũ, lụt, hạn hán, úng ngập trên địa bàn;

3. Hướng dẫn thi hành các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành về khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương;

4. Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế phối hợp với Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các đơn vị quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn;

5. Chỉ đạo các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình; sử dụng nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí của nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

6. Tổ chức kiểm tra, lập kế hoạch bảo dưỡng, tu sửa hệ thống kè bảo vệ bờ sông, bờ suối thuộc địa bàn quản lý, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo quy định;

7. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về thủy lợi; giải quyết theo thẩm quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

8. Chỉ đạo, tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi trong phạm vi địa phương.

9. Quyết định xử lý trong trường hợp công trình thủy lợi có nguy cơ xảy ra sự cố; các vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền;

Điều 26. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn xã theo quy định hiện hành.

2. Chỉ đạo các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn điều hòa phân phối nước công bằng, hợp lý, tiết kiệm trong hệ thống công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước, đặc biệt trong trường hợp xảy ra hạn hán;

3. Phối hợp với Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang kiểm tra, hướng dẫn các Ban quản lý công trình thủy lợi xã, Hợp tác xã trong việc quản lý, bảo vệ công trình; sử dụng nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí của nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

4. Tổ chức lực lượng quản lý kè bảo vệ bờ sông, bờ suối thuộc địa bàn quản lý; trực tiếp quản lý và chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng quản lý kè theo quy định;

5. Hàng năm lập kế hoạch dự toán kinh phí hỗ trợ đối với nhân viên quản lý kè trong dự toán ngân địa phương, báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách;

6. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

Điều 27. Các cơ quan, Ban, Ngành, các tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện đúng quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Khen thưởng

Tổ chức, hộ gia đình hoặc cá nhân có thành tích trong việc quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; chiếm dụng và sử dụng sai mục đích nguồn kinh phí hỗ trợ của nhà nước để thực hiện nhiệm vụ quản lý công trình thủy lợi và các nguồn thu hợp pháp khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức xử phạt áp dụng theo Nghị định 140/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Nghị định số 129/2007/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về đê điều.

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc các Sở có liên quan, Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Châu Văn Lâm